TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2017/DS-ST
Ngày: 06-10-2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Quang.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trần Văn Thạch.**
2. Ông **Huỳnh Quan Lộc.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: 83/10 (Số mới 62), đường T, Khu phố A, thị trấn H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Mộng T**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số 72 Khu phố B, thị trấn H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 72 Khu phố B, thị trấn H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Do chỗ quen biết nhau nên bà Th có cho vợ chồng bà T, ông T vay mượn tiền qua lại nhiều lần từ năm 2013 nhưng đã giải quyết xong. Ngày 09/7/2016 âm

lịch, bà T có vay lại của bà Th số tiền 250.000.000 đồng; ngày 20/7/2016 âm lịch bà T vay tiếp của bà Th số tiền 150.000.000 đồng và ngày 25/7/2016 âm lịch bà T tiếp tục vay thêm số tiền 340.000.000 đồng. Tổng cộng bà T vay của bà Th 740.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 03%/tháng và thỏa thuận qua tết 2017 âm lịch sẽ trả nợ. Từ ngày vay tiền đến nay, bà T có trả tiền lãi được 39.400.000 đồng rồi ngưng không trả vốn gốc và tiền lãi cho đến nay. Việc bà T vay tiền mục đích mua cao su và xoay sở trong gia đình, mặt khác bà T và ông T vẫn còn là vợ chồng với nhau.

Nay ra tòa, bà Th yêu cầu vợ chồng bà T và ông T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền vay còn nợ là 740.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng). Ghi nhận bà Th không yêu cầu vợ chồng bà T và ông T phải trả tiền lãi.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lê Thị Mộng T trình bày:

Bà T thống nhất lời trình bày của bà Th, hiện bà còn nợ bà Th số tiền vay là 740.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích bà vay tiền của bà Th nhằm mua bán phụ liệu may mặc tại nhà, trả tiền lãi cho người khác và trả tiền hụi. Nay bà đồng ý một mình đứng ra trả nợ cho bà Th số tiền nêu trên, bà không yêu cầu ông T cùng bà trả nợ cho bà Th. Ghi nhận bà Th không yêu cầu tính tiền lãi.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Toà án để dự phiên hoà giải và dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa, thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông T vẫn còn chung sống vợ chồng, số tiền vay lớn, công việc của bà T là kinh doanh buôn bán tạo thu nhập phục vụ chi tiêu cho cuộc sống gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th yêu cầu bà T và ông T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Th số tiền 740.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Hữu T có nơi cư trú tại số 72 Khu phố B, thị trấn H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông T là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Từ ngày 09/7/2016 âm lịch đến ngày 25/7/2016 âm lịch, bà T vay của bà Th tổng cộng 03 lần với số tiền 740.000.000 đồng, việc vay tiền có làm giấy nhận nợ do bà T ký tên, mục đích vợ chồng bà T vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu và xoay sở trong gia đình, hai bên thỏa thuận lãi suất 03%/tháng và thỏa thuận qua tết 2017 âm lịch sẽ trả nợ. Từ ngày vay tiền đến nay, bà T có trả cho bà Th được 39.400.000 đồng tiền lãi rồi ngưng không trả vốn gốc và tiền lãi cho đến nay nên hai bên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán thấy rằng, việc vay tiền giữa bà Th và bà T là có thật vì hai bên đều thừa nhận và có biên nhận nợ. Bà T vay tiền lần cuối cùng vào ngày 25/7/2016 âm lịch và thỏa thuận qua tết 2017 âm lịch sẽ trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn chưa thanh toán cho bà Th là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Bà Th trình bày việc bà T vay tiền nhằm mục đích mua cao su và xoay sở trong gia đình, riêng bà T cho rằng việc vay tiền của bà Th nhằm mua bán phụ liệu may mặc tại nhà, trả tiền lãi cho người khác và trả tiền hụi, số tiền vay này không liên quan đến ông T nên bà T không yêu cầu ông T cùng bà trả nợ cho bà Th. Xét thấy bà T và ông T vẫn còn là vợ chồng, bà T vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình, đây là số tiền vay lớn. Theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới về các giao dịch, các nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc bà Th khởi kiện yêu cầu bà T, ông T cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ 740.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà Th không yêu cầu vợ chồng bà T, ông T phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Bà T và ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Hữu T yêu cầu trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bà Lê Thị Mộng T và ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 740.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T và ông T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà T và ông T còn phải trả cho bà Th số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T và ông T phải chịu 33.600.000 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Th 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003992 ngày 24/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Nguyễn Thị Th và bà Lê Thị Mộng T được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.